TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HÀ ĐÔNG **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 293/2023/HS-ST
Ngày 24-10-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HÀ ĐÔNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Ánh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Chanh và ông Nguyễn Văn Cát

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Đức, Thư ký Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 10 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 270/2023/TLST-HS ngày 02 tháng 102023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 286/2023/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 10 năm 2023 đối với bị cáo:

NGUYỄN THANH T, sinh năm 1981; ĐKHKTT và nơi ở: Số A Tập thể cơ khí 75, Đội 1, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đào V và bà Lê Thu L; có vợ là Nguyễn Thị Kim N (bị cáo khai đã ly hôn) và 03 con; tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: Bản án hình sự sơ thẩm số 144/2023/HS-ST ngày 11/9/2023 của Toà án nhân dân huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội xử phạt Nguyễn Thanh T 36 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Tạm giữ, tạm giam: hiện đang bị tạm giam tại Trại Tạm giam số 2 Công an thành phố H trong vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản do Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì xét xử theo Bản án hình sự sơ thẩm số 144/2023/HS-ST ngày 11/9/2023; có mặt tại phiên tòa;

Bị hại: Chị Hà Thị T1, sinh năm 1987; ĐKHKTT: Khu B, xã H, thành phố

V, tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện theo ủy quyền của chị T1: Anh Hà Quang T2, sinh năm 1978; ĐKHKTT: Xóm M, xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ; vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin vắng mặt;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Nguyễn Đào V, sinh năm 1956; ĐKHKTT và nơi ở: Số A Tập thể cơ khí 75, Đội 1, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội; có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chị Hà Thị T1 và Dương Hà N1, sinh năm 1998, ĐKHKTT: xóm D, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ quen biết nhau do cùng quê hương. Chị T1 biết N1 đã xin cho một số người ở quê đi xuất khẩu lao động nên khoảng đầu năm 2022, chị T1 đặt vấn đề với N1 về việc xin cho chị T1 đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan.

Qua các mối quan hệ xã hội, Nam biết Nguyễn Thanh T môi giới xuất khẩu lao động. Qua nói chuyện, T biết N1 có nhu cầu đưa người đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Để cho N1 tin tưởng, T giới thiệu với N1 về việc T là nhân viên của Công ty TNHH C (sau đây gọi tắt là Công ty C), địa chỉ: KĐT mới V, phường L, quận H, thành phố Hà Nội và Công ty cổ phần T3, địa chỉ kinh doanh: số A T, phường M, quận N, thành phố Hà Nội có chức năng, giấy phép được đưa người đi lao động tại nước ngoài. N1 tin tưởng T có thể làm giúp các thủ tục đưa người đi lao động ở nước ngoài nên đã giới thiệu T với chị T1. T trao đổi với N1 và chị T1 về việc có đơn hàng làm giúp việc tại Đài Loan là 2.700 USD thì chị T1 đồng ý và đưa cho N1 đặt cọc trước số tiền 5.000.000 đồng. Theo hướng dẫn của T, chị T1 chuẩn bị hồ sơ xin đi xuất khẩu lao động, gồm: giấy khám sức khoẻ, hộ chiếu, lý lịch, bản sao căn cước công dân, bản sao sổ hộ khẩu. Đến ngày 17/3/2022, chị T1 chuyển số tiền 24.000.000 đồng từ tài khoản 2266886828888 tại Ngân hàng TMCP Q đến tài khoản của Dương Hà N1 số 16810041998 tại Ngân hàng TMCP V1, đồng thời gửi cho N1 hồ sơ xin đi xuất khẩu lao động của chị T1.

N1 chuyển cho T hồ sơ của chị T1 và số tiền 15.500.000 đồng để T lo thủ tục xuất khẩu lao động cho chị T1 (bao gồm đưa tiền mặt và chuyển khoản cho T nhiều lần). Số tiền còn lại 13.500.000 đồng, N1 chưa chuyển cho T. Sau khi nhận hồ sơ của chị T1, T không nộp hồ sơ đến đơn vị nào. Đến khoảng tháng 4 năm

2022, N1 cùng chị T1 đến gặp T trao đổi về tiến độ đơn hàng, T nói dối đơn hàng bị chậm bay và cam kết sẽ bay được.

Ngày 09/6/2022, N1 bị Công an quận N bắt về hành vi mua bán trái phép chất ma tuý. Sau khi N1 bị bắt, T liên hệ với chị T1 về việc sẽ tiếp tục lo hồ sơ xin việc của chị T1. T yêu cầu chị T1 nộp tiếp số tiền 18.000.000 đồng. Ngày 08/7/2022, T hẹn gặp chị T1 tại quán nước đối diện Công ty C. Tại đây, chị T1 nộp cho T số tiền 18.000.000 đồng. Để chị T1 tin tưởng, T mua sẵn phiếu thu, sau đó viết tên Công ty C để đưa cho chị T1. Ngày 29/8/2022, T tiếp tục yêu cầu chị T1 nộp số tiền 29.250.000 đồng. T viết cho chị T1 giấy biên nhận tổng số tiền T nhận của chị T1 là 62.750.000 đồng (bao gồm cả số tiền N1 chuyển cho T là 15.500.000 đồng) để lo thủ tục xuất khẩu lao động cho chị T1.

Sau khi nhận hồ sơ và số tiền từ chị T1, T không nộp hồ sơ xin đi xuất khẩu lao động của chị T1 cho đơn vị nào, T đã làm mất hồ sơ của chị T1 và chi tiêu cá nhân hết số tiền nhận của chị T1.

Do nhiều lần T hứa hẹn nhưng không đi xuất khẩu lao động được nên ngày 24/11/2022, chị T1 gửi đơn trình báo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận H về việc bị lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận H nhiều lần triệu tập Nguyễn Thanh T nhưng T không có mặt ở địa phương. Ngày 06/4/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận H ra Quyết định truy tìm đối với Nguyễn Thanh T theo quy định.

Ngày 20/6/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận H thu thập tài liệu về việc ngày 13/6/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can và lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Nguyễn Thanh T về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại Điều 174 của Bộ luật Hình sự. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận H làm việc với Nguyễn Thanh T. Tại Cơ quan điều tra, T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung tố giác của chị T1.

Kết luận giám định số 1745/KL-KTHS ngày 27/3/2023 của Phòng K Công an thành phố H, kết luận về chữ ký, chữ viết trên giấy biên nhận tiền đứng tên Nguyễn Thanh T (ký hiệu A1) và phiếu thu tiền ngày 08/7/2022 người lập là Nguyễn Thanh T và người nộp tiền là Hà Thị T1 (ký hiệu A2): "Chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Thanh T trên các mẫu cần giám định ký hiệu A1. Chữ viết phần

nội dung, chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Thanh T trên mẫu cần giám định ký hiệu A2 với chữ viết phần nội dung, chữ viết dòng họ tên Nguyễn Thanh T dưới mục "Người khai ký tên" trên mẫu so sánh ký hiệu M1; chữ ký, chữ viết dòng họ tên Nguyễn Thanh T trên mẫu so sánh ký hiệu M2 là chữ do cùng một người viết và ký ra" (mẫu M1, M2 là Tờ khai chứng minh nhân dân và Phiếu thu nhận thông tin căn cước công dân của Nguyễn Thanh T).

Ngày 15/12/2022, chị T1 uỷ quyền bằng văn bản cho anh Hà Quang T2, sinh năm 1978; ĐKHKTT: Xóm M, xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ (là anh trai của chị T1) tham gia tố tụng trong vụ án.

Thông qua Công ty M, ngày 16/12/2022, chị Hà Thị T1 đã được cấp visa lao động tại Đài Loan.

Cơ quan Cảnh sát điều tra đã xác minh tại Công ty C và Công ty T3, Công ty C và Công ty T3 không có nhân viên nào tên Nguyễn Thanh T. Từ trước đến nay hai Công ty không tiếp nhận hồ sơ xin đi xuất khẩu lao động nào của khách hàng tên Hà Thị T1.

Cục Q1 ngoài nước cung cấp thông tin Nguyễn Thanh T không được cấp giấy phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

Về trách nhiệm dân sự: trong giai đoạn điều tra, ông Nguyễn Đào V (bố đẻ của Nguyễn Thanh T) đã bồi thường cho chị Hà Thị T1 do người đại diện theo uỷ quyền của chị T1 là anh Hà Quang T2 nhận số tiền T chiếm đoạt của chị T1 là 62.750.000 đồng. Anh T2 đã nhận đủ tiền và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt đối với Nguyễn Thanh T.

Trong giai đoạn điều tra, truy tố, Nguyễn Thanh T khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Cáo trạng số 267/CT-VKS-HĐ ngày 27/9/2023 của Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội truy tố bị cáo Nguyễn Thanh T về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội luận tội cho rằng tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận tội phù hợp các tài liệu đã thu thập có

trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận cáo trạng truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản đã viện dẫn là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật nên giữ nguyên nội dung truy tố. Bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, vì hám lợi đã dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác, cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc. Tuy nhiên, bị cáo không có tình tiết tăng nặng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã nhờ gia đình bồi thường toàn bộ cho bị hại; người đại diện của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo có bố, mẹ được tặng thưởng huân, huy chương, hiện nay đã già yếu; bị cáo đã ly hôn, hiện đang nuôi 3 con nhỏ; bị cáo được tặng thưởng bằng khen, giấy khen nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; các điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 38, 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T từ 18 tháng đến 24 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường thêm nên đề nghị không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi của những người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi của những người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về đánh giá chứng cứ trong vụ án: Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Thanh T tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Nguyễn Thanh T biết chị Hà Thị T1 có nhu cầu đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, mặc dù T không được Nhà nước cấp giấy phép hoạt động dịch vụ và cũng không làm việc cho tổ chức có chức năng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài, nhưng do cần tiền chi tiêu cá nhân, T đã gian dối giới thiệu là nhân viên của các công ty có chức năng, giấy phép được đưa người đi lao động tại nước ngoài. T giới thiệu với chị T1 có đơn hàng làm giúp việc tại Đài Loan là 2.700

USD. Chị T1 tin tưởng và đồng ý chuyển hồ sơ và tiền cho T. Trong khoảng thời gian từ tháng 3 năm 2022 đến tháng 6 năm 2022, T nhận của chị T1 tổng số 62.750.000 đồng. T không nộp hồ sơ vào cơ quan, tổ chức nào để làm thủ tục cho chị T1, sau đó T làm mất hồ sơ; đồng thời T sử dụng hết số tiền đã nhận của chị T1 chi tiêu cá nhân.

Bị cáo Nguyễn Thanh T là người có nhận thức đầy đủ về hành vi của mình, dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt 62.750.000 đồng của chị T1 nên hành vi của bị cáo thỏa mãn dấu hiệu cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản nêu trong Cáo trạng là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi và các tình tiết có ảnh hưởng đến trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy rằng: Bị cáo là người có kiến thức, có sức khỏe nhưng không lao động để kiếm tiền mà dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác để chi tiêu. Ngoài lần phạm tội trong vụ án này, trong tháng 10, 11 năm 2022, bị cáo cũng dùng thủ đoạn tương tự để chiếm đoạt 158.000.000 đồng của một bị hại khác, đã bị Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì xét xử, thể hiện ý thức coi thường pháp luật. Hành vi của bị cáo xâm phạm quyền sở hữu tài sản của bị hại, gây mất trật tự trị an xã hội, cần áp dụng hình phạt tù nghiêm khắc, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo.

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Bản án hình sự sơ thẩm số 144/2023/HS-ST ngày 11/9/2023 của Toà án nhân dân huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội xử phạt Nguyễn Thanh T 36 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, không là tình tiết để xác định tái phạm, tái phạm nguy hiểm nhưng thể hiện bị cáo có nhân thân xấu.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã nhờ bố đẻ bồi thường toàn bộ cho bị hại; bị cáo đã được nhiều cơ quan, tổ chức khen thưởng do có thành tích trong học tập, công tác, trong đó có Bằng khen của Ban chấp hành Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh thành phố H do có thành tích trong công tác Đoàn và phong trào thanh niên năm học 2002-2003; bị cáo có bố đẻ tham gia Q2 được tặng thưởng nhiều huân, huy chương; bị hại (thông qua người đại diện theo ủy quyền) đã có đơn đề nghị giảm nhẹ hình

phạt cho bị cáo nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xét bị cáo không có tình tiết tăng nặng; có nhiều tình tiết giảm nhẹ do đó có thể xem xét áp dụng hình phạt tù dưới mức khởi điểm của khung hình phạt cũng đủ tác dụng trừng trị, giáo dục bị cáo, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[4] Bản án hình sự sơ thẩm số 144/2023/HS-ST ngày 11/9/2023 của Toà án nhân dân huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội xử phạt Nguyễn Thanh T 36 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, theo tài liệu thu thập trong hồ sơ vụ án Bản án có kháng cáo, tại phiên tòa bị cáo khai chưa xét xử phúc thẩm nên không có cơ sở tổng hợp hình phạt, đề nghị Chánh án Tòa án có thẩm quyền tổng hợp hình phạt khi ra Quyết định thi hành án.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

- Bị hại đã được trả lại tài sản, không yêu cầu bồi thường thêm nên Hội đồng xét xử không xét.

- Ông Nguyễn Đào V là bố đẻ của bị cáo đã bồi thường thay cho bị cáo, ông V tự nguyện và không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền đã bồi thường thay nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí; bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[7] Về các vấn đề khác:

- Đối với Dương Hà N1 là người đứng ra nhận hồ sơ và số tiền 29.000.000 đồng của chị T1 để lo thủ tục cho chị T1 đi xuất khẩu lao động: kết quả điều tra xác định, do tin tưởng T có thể làm các thủ tục đưa người đi lao động ở nước ngoài nên N1 đã giới thiệu chị T1 với T. Sau khi nhận 29.000.000 đồng của chị T1, N1 đã chuyển hồ sơ và 15.500.000 đồng cho T. Việc T xử lý hồ sơ của chị T1 như nào N1 không biết, N1 không được T bàn bạc, Nam chỉ là trung gian nên không có căn cứ đề cập xử lý. Đối với số tiền 13.500.000 đồng còn lại trong số tiền chị T1 chuyển cho N1 để nộp cho T, do N1 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận N bắt nên N1 chưa kịp trả lại cho chị T1. Tại Cơ quan điều tra, N1 trình bày sẽ trả lại cho gia đình chị T1; đồng thời chị T1 đồng ý để N1 trả lại số tiền trên sau khi thi hành án trở về địa phương nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý; Hội đồng xét xử thấy đây là quan hệ dân sự giữa N1 và chị T1 nên không đưa

N1 tham gia tố tụng trong vụ án này, nếu sau này có tranh chấp thì chị T1 có quyền khởi kiện N1 bằng một vụ án dân sự khác.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh T phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; các điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 38, 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự:

- Bị hại đã được trả lại tài sản, không yêu cầu bồi thường thêm nên Hội đồng xét xử không xét.

- Ông Nguyễn Đào V là bố đẻ của bị cáo đã bồi thường thay cho bị cáo, ông V tự nguyện và không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền đã bồi thường thay nên Hội đồng xét xử không xét.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Nguyễn Thanh T phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Áp dụng các điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 24/10/2023; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 24/10/2023; bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã (phường, thị trấn) nơi đương sự cư trú, hoặc cư trú cuối cùng.

Nơi nhận:
- Công an quận Hà Đông;
- Viện Kiểm sát nhân dân quận Hà Đông;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Hà Đông;
- Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội;
- Bị cáo;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Trại Tạm giam số 2 Công an thành phố Hà Nội;
- Lưu Hồ sơ vụ án, V.Phòng.

Ngô Thị Ánh